

Số: /QĐ-MTTQ-UB
(DỰ THẢO)

Đồng Nai, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban, Ban Thường trực
Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Đồng Nai,
nhiệm kỳ 2025 - 2030**

ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (sửa đổi bổ sung năm 2025);

Căn cứ Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Luật Công đoàn, Luật Thanh niên và Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2025 (Luật số 97/2025/QH15, ngày 27/6/2025 của Quốc hội); Điều lệ MTTQ Việt Nam;

Căn cứ Hướng dẫn số 31-HD/BTCTW, ngày 23/4/2025 của Ban Tổ chức Trung ương về “Hướng dẫn về việc thành lập tổ chức đảng tương ứng các đơn vị hành chính ở địa phương và sắp xếp tổ chức bộ máy Cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đoàn thể cấp tỉnh, cấp xã”;

Căn cứ Quy định số 58-QĐ/TU, ngày 30/6/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về “Quy định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy Cơ quan Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và cơ quan Ủy ban MTTQ Việt Nam xã, phường”;

Căn cứ Quyết định số 548/QĐ-MTTW-BTT, ngày 25/11/2025 của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam về việc công nhận các chức danh trong Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Đồng Nai nhiệm kỳ 2025 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 356/QĐ-MTTW-BTT, ngày 21/11/2025 của Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh về việc công nhận Ủy viên Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Đồng Nai nhiệm kỳ 2025 - 2030;

Căn cứ kết quả thống nhất của các Ủy viên Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh về việc thông qua Quy chế hoạt động của Ủy ban và Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Đồng Nai, nhiệm kỳ 2025 - 2030 tại Hội nghị lần thứ Hai, Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh khóa I, nhiệm kỳ 2025 - 2030;

Theo đề nghị của Ban Tổ chức, Kiểm tra Cơ quan Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Đồng Nai,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế hoạt động của Ủy ban, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Đồng Nai, nhiệm kỳ 2025 - 2030”, gồm 6 Chương, 22 Điều.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các tổ chức thành viên MTTQ Việt Nam tỉnh, Văn phòng và các Ban tham mưu, giúp việc Cơ quan Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Đồng Nai, các Ủy viên Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh có trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BTT UBTWMTTQVN;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- HĐND - UBND tỉnh;
- Văn phòng và các ban xây dựng Đảng Tỉnh ủy;
- Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- BTT UBMTTQVN các xã, phường;
- Lưu VT;
- Số 02/QĐ/2026/TC01/Thăm.

TM. ỦY BAN MTTQ VIỆT NAM TỈNH
CHỦ TỊCH

Huỳnh Thị Hằng

QUY CHẾ

Hoạt động của Ủy ban, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Đồng Nai nhiệm kỳ 2025 - 2030

*(Ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-MTTQ-UB,
ngày ... tháng ... năm 2026 của Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Đồng Nai)*

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng:

1. Quy chế này quy định về nguyên tắc tổ chức và hoạt động; nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ hội nghị và làm việc của Ủy ban, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Đồng Nai nhiệm kỳ 2025 - 2030.

2. Đối tượng áp dụng là các Ủy viên Ủy ban, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh; cán bộ, công chức, viên chức, người lao động Cơ quan Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh; mối quan hệ công tác của Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh đối với các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động:

1. Tổ chức và hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật, Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Điều lệ của mỗi tổ chức thành viên.

2. Các tổ chức chính trị - xã hội cùng với các tổ chức thành viên khác của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh thực hiện theo nguyên tắc tự nguyện, hiệp thương dân chủ, phối hợp và thống nhất hành động do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh chủ trì, đồng thời phát huy tính chủ động, sáng tạo của mỗi tổ chức thành viên.

3. Đảng bộ tỉnh Đồng Nai vừa là tổ chức thành viên, vừa lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Đồng Nai.

4. Bảo đảm công khai, minh bạch, đúng thẩm quyền, đúng chức năng và hiệu quả.

5. Kết hợp chặt chẽ giữa phát huy vai trò của tập thể với trách nhiệm của cá nhân trong tổ chức và hoạt động.

CHƯƠNG II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, CHẾ ĐỘ HỘI NGHỊ VÀ LÀM VIỆC CỦA ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM TỈNH ĐỒNG NAI

Điều 3. Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh:

Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh do Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành lập, là cơ quan chấp hành giữa hai kỳ Đại hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh. Nhiệm kỳ của Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh theo quy định của Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Khi Đại hội thực hiện theo hướng dẫn của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam.

Điều 4. Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh có những nhiệm vụ và quyền hạn:

1. Thảo luận về tình hình và kết quả thực hiện Chương trình phối hợp và thống nhất hành động thời gian qua; quyết định Chương trình phối hợp và thống nhất hành động của Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh thời gian tới.
2. Hiệp thương dân chủ cử, cử bổ sung, thay thế hoặc cho thôi các chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh.
3. Xét, quyết định công nhận và cho thôi làm tổ chức thành viên của MTTQ Việt Nam tỉnh.
4. Tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước; thực hiện giám sát và phản biện xã hội theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.
5. Vận động các tầng lớp Nhân dân hưởng ứng thực hiện có hiệu quả các phong trào thi đua yêu nước, các chương trình hành động cách mạng tại địa phương.
6. Hiệp thương lựa chọn, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cùng cấp và tham gia công tác bầu cử theo quy định của pháp luật về bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.
7. Ra lời kêu gọi Nhân dân trên địa bàn tỉnh hưởng ứng chủ trương của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đối với sự kiện quan trọng khi cần thiết.
8. Quyết định việc tổ chức Đại hội đại biểu MTTQ Việt Nam tỉnh theo hướng dẫn của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
9. Xem xét, quyết định hoặc đề xuất, cho ý kiến đối với cơ quan có thẩm quyền hình thức kỷ luật thành viên của MTTQ Việt Nam tỉnh khi có vi phạm Điều lệ MTTQ Việt Nam và vi phạm pháp luật.

Điều 5. Chế độ hội họp và làm việc của Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh:

1. Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh họp định kỳ sáu tháng một lần để Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động của Mặt trận tỉnh giữa 02 kỳ họp, thảo luận thống nhất chương trình công tác Mặt trận và công tác khác có liên quan. Trong trường hợp cần thiết, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh đề nghị họp Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh. Các văn bản phải gửi đến các Ủy viên Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh ít nhất 05 ngày trước khi tổ chức hội nghị (trừ hội nghị đột xuất). Ngoài ra, Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh tổ chức làm việc theo hình thức văn bản, Hội đồng tư vấn và các nhóm công tác chuyên đề. Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh ban hành Nghị quyết, Kết luận hội nghị để triển khai thực hiện.
2. Các Ủy viên Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh có trách nhiệm tham dự đầy đủ hội nghị định kỳ và bất thường do Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh triệu tập, chuẩn bị ý kiến đóng góp tại hội nghị. Trường hợp vắng mặt, Ủy viên Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh cần thông báo cho Ban Thường trực hoặc thông qua Văn

phòng Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh để báo cáo lại và cho biết ý kiến về các văn bản dự thảo đã gửi (góp ý trực tiếp trong văn bản hoặc góp ý qua các phương tiện thông tin điện tử). Nếu không có ý kiến thì xem như nhất trí với Nghị quyết, Kết luận của Hội nghị.

3. Chủ trì điều hành Hội nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh do Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh quyết định.

4. Nghị quyết của Hội nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh có hiệu lực khi có ít nhất 2/3 tổng số Ủy viên Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh tham dự và được từ 50% tổng số Ủy viên Ủy ban thống nhất thông qua.

Điều 6. Thẩm quyền ký các văn bản của Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh:

1. Chủ tịch ký các văn bản của Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh.
2. Phó Chủ tịch Thường trực ký các văn bản thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách hoặc được Chủ tịch ủy quyền.
3. Các Phó Chủ tịch ký các văn bản được Chủ tịch, Phó Chủ tịch Thường trực ủy quyền.

CHƯƠNG III

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, CHẾ ĐỘ HỘI NGHỊ VÀ LÀM VIỆC CỦA BAN THƯỜNG TRỰC ỦY BAN MTTQ VIỆT NAM TỈNH

Điều 7. Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh:

Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh gồm: Chủ tịch và các Phó Chủ tịch. Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh là cơ quan đại diện của Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh giữa hai kỳ họp.

Điều 8. Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

1. Tổ chức việc chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các Hội nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh.
2. Tổ chức thực hiện Nghị quyết, Chương trình phối hợp và thống nhất hành động của Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các Chương trình công tác của Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam; chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh có liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh.
3. Tập hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri và Nhân dân để phản ánh, kiến nghị với cấp ủy Đảng, chính quyền cùng cấp và Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam.

4. Tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước; thực hiện giám sát và phản biện xã hội theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

5. Hướng dẫn, kiểm tra hoạt động của Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam các xã, phường.

6. Xem xét, công nhận việc cử, bổ sung hoặc thay thế chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam các xã, phường.

7. Tổ chức, chỉ đạo, quản lý bộ máy giúp việc Cơ quan Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh; phân cấp, phân quyền Ban tham mưu, giúp việc quản lý, điều hành hoạt động các đơn vị sự nghiệp.

8. Giữ mối quan hệ phối hợp công tác với các cơ quan nhà nước, các tổ chức thành viên và các tổ chức, cơ quan, đơn vị khác có liên quan.

9. Tổ chức, hướng dẫn, bảo đảm điều kiện hoạt động của Hội đồng tư vấn, cộng tác viên của Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh.

10. Ban hành và kiểm tra thực hiện các văn bản theo thẩm quyền.

11. Xét, quyết định khen thưởng, đề nghị kỷ luật theo thẩm quyền.

12. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ban Thường vụ Đảng ủy MTTQ Việt Nam tỉnh, Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam giao.

Điều 9. Nhiệm vụ và quyền hạn các thành viên Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh:

1. Chủ tịch là người đứng đầu Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh, phụ trách chung, lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện hoạt động và chủ tọa phiên họp của Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh (khi vắng mặt thì ủy quyền cho Phó Chủ tịch Thường trực chủ trì).

2. Phó Chủ tịch Thường trực là Thủ trưởng Cơ quan Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh, chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của Cơ quan Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh; giúp Chủ tịch quản lý và điều hành hoạt động của Ban Thường trực và bộ máy giúp việc để thực hiện các nhiệm vụ công tác của Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh. Thay quyền Chủ tịch khi được ủy quyền.

3. Các Phó Chủ tịch là người giúp việc Chủ tịch điều hành, theo dõi tiến độ thực hiện Chương trình phối hợp và thống nhất hành động của Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh theo lĩnh vực công tác được phân công phụ trách. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch, Phó Chủ tịch Thường trực (Thủ trưởng Cơ quan) về toàn bộ hoạt động của lĩnh vực công tác được phân công phụ trách. Chủ tọa phiên họp của Ban Thường trực khi Chủ tịch, Phó Chủ tịch Thường trực vắng mặt và ủy quyền.

4. Các Phó Chủ tịch, đồng thời là người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh giữ mối liên hệ công tác với các sở, ban, ngành tỉnh để thực hiện nhiệm vụ theo Điều lệ các tổ chức chính trị - xã hội.

Điều 10. Chế độ làm việc của Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh:

1. Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh làm việc theo chế độ tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách.

2. Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh họp thường kỳ mỗi tháng một lần; họp đột xuất khi cần thiết (thành phần có thể mở rộng theo yêu cầu) để kiểm điểm, đánh giá kết quả việc điều hành, tổ chức, thực hiện các chương trình công tác giữa 02 kỳ họp và trao đổi, dự kiến những công việc trong thời gian tới của Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh. Các văn bản phục vụ Hội nghị phải gửi trước cho thành viên dự Hội nghị, trừ Hội nghị đột xuất.

3. Những nội dung được Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh họp thống nhất thông qua, nếu có sự thay đổi do yếu tố khách quan, thì lấy ý kiến Ban Thường trực thông qua cuộc họp hoặc hình thức khác.

4. Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh tổ chức họp giao ban với Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam các xã, phường định kỳ 6 tháng một lần để đánh giá kết quả hoạt động công tác Mặt trận tại cơ sở và định hướng công tác Mặt trận trong thời gian tới; tổ chức họp chuyên đề với Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam các xã, phường khi cần thiết.

5. Ban Thường trực phân công cán bộ, công chức Cơ quan để làm thư ký cuộc họp.

Điều 11. Thẩm quyền ký các văn bản của Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh:

1. Chủ tịch ký các văn bản của Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh có liên quan công tác cán bộ, đối ngoại.

2. Phó Chủ tịch Thường trực ký các văn bản thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách hoặc khi được Chủ tịch ủy quyền.

3. Các Phó Chủ tịch ký các văn bản được Chủ tịch, Phó Chủ tịch Thường trực ủy quyền, các báo cáo thường xuyên và các văn bản thuộc lĩnh vực, ban được phân công phụ trách.

Điều 12. Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh thành lập Hội đồng tư vấn thuộc Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh, xây dựng đội ngũ cộng tác viên để tư vấn cho hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh theo Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam:

1. Hội đồng tư vấn hoạt động theo Quy chế tổ chức và hoạt động của tổ chức tư vấn do Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh ban hành và theo chương trình, kế hoạch đã được Hội đồng thống nhất thông qua hoặc theo yêu cầu của Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh để giúp Ủy ban, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định.

2. Ban Thường trực định kỳ thông tin kết quả xử lý các ý kiến tư vấn; Hội đồng tư vấn có trách nhiệm phản hồi chất lượng, tiến độ tham mưu.

3. Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh có thể mời cộng tác viên để hỗ trợ công tác tư vấn cho Ủy ban, Ban Thường trực trong thời hạn nhất định.

Điều 13. Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động:

1. Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong lãnh đạo, điều hành và thực hiện nhiệm vụ công tác Mặt trận, bảo đảm kịp thời, minh bạch, hiệu quả; thành lập Tổ chuyển đổi số tham mưu trực tiếp cho Ban Thường trực.

2. Triển khai phần mềm, nền tảng số thống nhất phục vụ công tác Mặt trận, gồm: quản lý văn bản, hồ sơ cán bộ, báo cáo thống kê, phản ánh kiến nghị của Nhân dân, hội họp trực tuyến, giám sát và phản biện xã hội; đồng thời, phối hợp số hóa dữ liệu, chia sẻ thông tin, bảo đảm an toàn, bảo mật và tuân thủ quy định.

3. Tổ chức tập huấn, nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số cho cán bộ Mặt trận các cấp; khuyến khích sáng kiến chuyển đổi số gắn với thực tiễn; định kỳ đánh giá, kiểm tra, điều chỉnh giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động Mặt trận.

CHƯƠNG IV
NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC THÀNH VIÊN
MTTQ VIỆT NAM TỈNH VỚI ỦY BAN MTTQ VIỆT NAM TỈNH

Điều 14. Thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh:

1. Thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh bao gồm tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, tầng lớp xã hội, dân tộc, tôn giáo và người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

2. Việc gia nhập Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh được thực hiện trên cơ sở tự nguyện, tán thành Điều lệ và các quy định cụ thể của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, được Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh xem xét công nhận.

3. Các tổ chức chính trị - xã hội và các Hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ cấp tỉnh là các tổ chức thành viên trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, được tổ chức và hoạt động thống nhất trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh.

Điều 15. Quyền và trách nhiệm của thành viên tổ chức:

1. Quyền của thành viên tổ chức:

a) Thảo luận, chất vấn, đánh giá, kiến nghị về tổ chức và hoạt động của Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh.

b) Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh chủ trì hiệp thương giữa các thành viên có liên quan, nhằm vận động Nhân dân hưởng ứng các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động theo sáng kiến của tổ chức mình.

c) Giới thiệu người đề hiệp thương cử vào Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh.

d) Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của tổ chức mình.

đ) Tham gia các Hội nghị của Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh.

e) Được cung cấp thông tin về hoạt động của Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh.

2. Trách nhiệm của thành viên tổ chức:

a) Thực hiện Hiến pháp, pháp luật, Điều lệ, Chương trình hành động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Quy chế phối hợp và thống nhất hành động giữa các tổ chức thành viên của MTTQ Việt Nam tỉnh; các chương trình phối hợp giữa Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên với cơ quan nhà nước cùng cấp có liên quan.

b) Tuyên truyền, vận động thành viên, đảng viên, đoàn viên, hội viên, Nhân dân thực hiện Hiến pháp và pháp luật, thực hiện Chương trình hành động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

c) Tập hợp ý kiến, kiến nghị của thành viên, đảng viên, đoàn viên, hội viên, Nhân dân và kết quả thực hiện Chương trình phối hợp và thống nhất hành động gửi Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh.

d) Vận động các thành viên, đảng viên, đoàn viên, hội viên của tổ chức mình thực hiện đúng chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc.

đ) Đoàn kết, hợp tác, giúp đỡ những tổ chức, cá nhân chưa gia nhập Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh nhưng có tinh thần hưởng ứng, ủng hộ, thực hiện Chương trình hành động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh.

e) Tham gia thực hiện các nhiệm vụ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh.

g) Định kỳ 6 tháng một lần, có báo cáo kết quả thực hiện Chương trình phối hợp và thống nhất hành động của Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ của tổ chức thành viên trước các kỳ họp thường kỳ của Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh.

Điều 16. Quyền và trách nhiệm của thành viên cá nhân:

1. Quyền của thành viên cá nhân:

a) Thảo luận, kiến nghị, chất vấn về tổ chức và hoạt động của Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh.

b) Được mời tham gia thực hiện nhiệm vụ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh liên quan đến lĩnh vực công tác; đề xuất các nội dung về chương trình công tác và chính sách cho Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh.

c) Thay mặt Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh tham gia các hoạt động liên quan đến công tác Mặt trận khi được phân công.

d) Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của mình.

đ) Được mời dự Hội nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam nơi mình cư trú.

e) Được cung cấp thông tin về hoạt động của Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh.

g) Được Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh tạo điều kiện để hoàn thành trách nhiệm của mình trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

2. Trách nhiệm của thành viên cá nhân:

a) Thực hiện Hiến pháp, pháp luật, Điều lệ, Chương trình hành động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Chương trình phối hợp và thống nhất hành động của Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh; báo cáo kết quả thực hiện trách nhiệm của thành viên với Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh theo quy định.

b) Tập hợp và phản ánh tình hình về lĩnh vực mình đại diện, hoạt động với Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh.

c) Phát huy vai trò nòng cốt trong tuyên truyền, động viên, đoàn kết Nhân dân ở nơi cư trú và trong lĩnh vực hoạt động, công tác để thực hiện các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì và phát động.

d) Tham gia các hoạt động khi được mời và góp ý các văn bản khi được yêu cầu.

đ) Lắng nghe, tập hợp, phản ánh ý kiến, kiến nghị của Nhân dân nơi mình công tác và cư trú với Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh.

e) Phát huy vai trò, nêu cao tinh thần trách nhiệm của thành viên cá nhân, tích cực tham gia ý kiến, kiến nghị, đề xuất về lĩnh vực mình đại diện, hoạt động tại các kỳ họp Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh nhằm phát huy năng lực, trí tuệ góp phần vào việc quyết định những công việc chung của Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh.

Điều 17. Quan hệ giữa Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh với các tổ chức, cá nhân là thành viên Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và quan hệ giữa các thành viên trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh:

1. Quan hệ giữa Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh mà đại diện là Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh với các tổ chức, cá nhân là thành viên Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh là quan hệ phối hợp theo nguyên tắc: hiệp thương dân chủ, hợp tác bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng lẫn nhau, phối hợp và thống nhất hành động.

Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức, cá nhân là thành viên Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tăng cường công tác phối hợp trên cơ sở cùng bàn

bạc để đi đến thống nhất về chủ trương, chương trình phối hợp và hành động chung.

2. Quan hệ giữa Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh với các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh được thực hiện theo Hiến pháp, Luật và Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

3. Quan hệ giữa các thành viên trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh là hợp tác bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng lẫn nhau, hiệp thương dân chủ, phối hợp và thống nhất hành động để cùng thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại của Đảng, ngoại giao của Nhà nước và Chương trình hành động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

CHƯƠNG V

QUAN HỆ GIỮA ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM TỈNH VỚI TỈNH ỦY, ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI TỈNH, HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, CÁC TỔ CHỨC, CƠ QUAN KHÔNG PHẢI LÀ THÀNH VIÊN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM TỈNH VÀ ỦY BAN MTTQ VIỆT NAM CÁC XÃ, PHƯỜNG

Điều 18. Quan hệ giữa Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh với Tỉnh ủy, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh:

1. Quan hệ với Tỉnh ủy: Tỉnh ủy vừa là đại diện tổ chức thành viên, vừa lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh. Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy thông qua Đảng ủy MTTQ Việt Nam tỉnh trên cơ sở các Nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng và thông qua đại diện của Thường trực Tỉnh ủy tham gia Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh.

2. Quan hệ với Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh: Là mối quan hệ phối hợp để thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Hiến pháp, pháp luật, quy chế phối hợp công tác giữa Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh mà đại diện là Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh với Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy.

Điều 19. Quan hệ giữa Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh với các tổ chức, cơ quan không phải là thành viên Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh:

Là quan hệ tự nguyện, được thực hiện theo quy định của pháp luật, quy chế phối hợp hoặc chương trình phối hợp giữa Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh mà đại diện là Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh (hoặc được Ban Thường trực phân công) với tổ chức, cơ quan không phải là thành viên Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh nhằm mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Điều 20. Quan hệ giữa Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh với Ủy ban MTTQ Việt Nam các xã, phường:

1. Quan hệ giữa Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh với Ủy ban MTTQ Việt Nam các xã, phường là quan hệ chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra.

2. Ủy ban MTTQ Việt Nam các xã, phường thực hiện các chủ trương, Chương trình hành động của MTTQ Việt Nam tỉnh; thực hiện chế độ báo cáo với Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh; kiến nghị với Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh về các vấn đề có liên quan đến tổ chức và hoạt động của MTTQ Việt Nam cấp xã.

CHƯƠNG VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Việc bổ sung, sửa đổi Quy chế này phải do Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh đề nghị và phải được quá nửa số thành viên của Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh thống nhất thông qua. Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh có trách nhiệm triển khai, hướng dẫn Ủy ban MTTQ Việt Nam các xã, phường và phối hợp với các thành viên Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh thực hiện Quy chế này.

Điều 22. Quy chế gồm 6 Chương, 22 Điều đã được các thành viên Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Đồng Nai, nhiệm kỳ 2025 - 2030 thống nhất thông qua và triển khai tổ chức thực hiện./.